

Bản án số: 184/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-7-2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Phạm Tường Vi.**

+ Bà **Nguyễn Thị Pho.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Kim Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Cẩm Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị S** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: Tổ E, Ấp F, xã T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Lê Văn K** - Sinh năm: 1987; địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn K kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/9/2011 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện,

không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, bà và ông K chung sống đến năm 2016 thì sống ly thân; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được điểm chung trong lối sống. Bà S cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông K, không thể đoàn tụ được nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông K, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông K có một người con chung là: Lê Hoài A - Sinh ngày 25/5/2009 (người con hiện đang sống chung với ông K). Khi ly hôn, bà S đồng ý để ông K tiếp tục nuôi người con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu được quyền nuôi con nhưng người con đang sống chung với gia đình ông K và bà có trao đổi với con thì con đồng ý tiếp tục sống chung với ông K nên nay bà thay đổi yêu cầu về việc nuôi con như trên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị S, bị đơn là ông Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thâm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 58, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị S. Bà Phạm Thị S được ly hôn với ông Lê Văn K.

(2) *Về con chung*: Giao cho ông Lê Văn K được quyền nuôi người con chung giữa ông và bà S là: Lê Hoài A - Sinh ngày 25/5/2009 (hiện đang sống chung với ông K), bà S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, các đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

(3) *Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

(4) *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phạm Thị S có nghĩa vụ chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông K có địa chỉ liên lạc tại: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây địa chỉ của ông K là: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Ông K vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 25/5/2026, ngày 12/6/2026, bà S có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà S, ông K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà S, ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 12/9/2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà S, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà S và ông K có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân khoảng mười năm, giữa ông, bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Ông K không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà S, trong khi đó bà S kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông K, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà S với ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên chấp nhận yêu cầu của bà S về việc ly hôn với ông K theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà S đồng ý để ông K tiếp tục nuôi người con chung là: Lê Hoài A - Sinh ngày 25/5/2009. Ông K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có gửi văn bản cho Tòa án có tranh chấp về việc nuôi con. Hiện nay người con đang sống với ông K, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của người con nên giao cho ông K được quyền tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà S trình bày là không cấp dưỡng nuôi con, ông K vắng mặt và không có gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ chung; ông K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có gửi văn bản cho Tòa án có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị S được ly hôn với ông Lê Văn K.

2/ Về con chung:

Giao cho ông Lê Văn K được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa ông Lê Văn K với bà Phạm Thị S là: Lê Hoài A - Sinh ngày 25/5/2009 (người

con hiện đang sống chung với ông K) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Bà Phạm Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con do ông K không yêu cầu.

Bà Phạm Thị S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông K có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà S.

Vì lợi ích của con chung, bà S, ông K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị S phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà S đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007750 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị S, ông Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Khởi;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD-KT-TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Nguyên

